

BÀI KINH TU NHÂN ĐỀ

Thích Thanh Từ

(Rằm Tháng Mười, Năm Canh Ngọ, 1990)

Chúng tôi theo thông lệ, mỗi kỳ rằm lớn, có giảng một thời kinh cho tất cả nam nữ Phật tử về cúng chùa nghe để hiểu đạo lý tu hành. Năm nay chúng tôi không giảng một đề tài riêng mà chúng tôi dẫn một câu chuyện đối thoại giữa Phật với một người dị học. Dị học là học khác, không phải người học Phật.

Đây là đại ý bài kinh Tu Nhân Đề, xuất phát từ Kinh Trung A Hàm (Phẩm Phạm Chí, Kinh số 153). Tôi dẫn từng phần cuộc đối thoại và chỉ cho quý Phật tử thấy giáo lý thâm sâu của đạo Phật. Chúng tôi sẽ giải thích bổ túc cho quý Phật tử thâm nhuần, không còn ngỡ vực những gì mà lâu nay chúng ta không hiểu.

Trước hết là lý do có cuộc đối thoại này.

Một hôm đức Phật đến nước Câu Lưu Sâu ở Tịnh thất thứ nhất của một người Phạm Chí tên là Bà La Bà. Khi đó đức Phật nghỉ lại đêm trong Tịnh thất này. Đến sáng Ngài đi khát thực. Khất thực xong về thọ trai rồi Ngài đi vào rừng tọa thiền. Lúc đó có một người dị học tên Tu Nhân Đề, thông thạo dạo chơi đến cái thất thứ nhất của Bà La Bà, nhìn thấy có dấu nằm nghiêng bên phải, ông bèn kêu ông Bà La Bà nói:

- Cái dáng nằm này là dáng nằm của Sư Tử, dáng nằm của một vị Sa môn. Vậy khi hôm, ai nằm trong thất này?

Ông Bà La Bà nói: - Đó là Sa môn Cù Đàm, Ngài mới nghỉ đêm tại thất này.

Tu Nhân Đề nghe thấy lắc đầu nói:

- Cái tôi không muốn thấy mà thấy, tôi không muốn nghe mà nghe. Sa môn Cù Đàm là con người bại hoại, bại hoại không thể dùng.

Sau khi nghe vậy, ông Bà La Bà nóng ruột nói:

- Ông không nên mắng Sa môn Cù Đàm. Những lời ông nói tôi sẽ thuật lại cho Sa môn Cù Đàm nghe, ông chịu không?

Tu Nhân Đề nói:

- Được ông cứ thuật lại cho Sa môn Cù Đàm nghe. Giả sử tôi gặp Sa môn Cù Đàm, tôi cũng nói như vậy.

Đức Phật tọa thiền đến hai ba giờ chiều, Phật xả thiền trở về thất ông Bà La Bà. Khi đó Tu Nhân Đề dạo chơi và cũng trở về và gặp Phật. Đức Phật hỏi ông:

- Khi sáng ông luận bàn cùng ông Bà La Bà về chỗ nằm trong thất này phải không?

Ông nói: - Phải.

Đây tôi chỉ lấy đại ý.

Phật bắt đầu hỏi:

- Ông buông lung 5 căn là mắt, tai... theo 5 trần. Còn tôi thì gìn giữ điều phục 5 căn không cho theo 5 trần, vì vậy mà ông gọi tôi là bại hoại, bại hoại không dùng được phải không?

Ông nói: - Đúng thế!

Đức Phật bắt đầu đặt câu hỏi:

- Nếu có người, trước họ chưa đi tu, họ đắm mê ngũ dục, sau khi họ xuất gia biết được ngũ dục như thật. Nào là tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu cho nên họ liền xa lìa ngũ dục. Thấy người đắm nhiễm ngũ dục họ cho là thấp hèn, không thích. Vậy ông có ý gì về vấn đề này không?

Ông trả lời: - Không.

Đây tôi giải thích các chữ chuyên môn dùng cho ngũ dục ở trong Kinh như: sắc tức là con mắt mình thấy sắc mến sắc gọi là sắc dục. Thanh là lỗ tai mình nghe những âm thanh hay lạ ưa thích gọi đó là thanh dục. Mũi ngửi mùi thơm mình mê thích gọi là hương dục. Lưỡi nếm mùi ngon mình ưa vị ngon gọi là vị dục. Thân xúc chạm với những cảm giác êm ái mình ưa thích gọi là xúc dục. Đó gọi là ngũ dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Buông lung năm căn chạy theo ngũ dục thì Tu Nhân Đề chịu, còn Phật hạn chế mấy cái đó ông cho là bại hoại, bại hoại không thể dùng.

Phật lại nói tiếp: Người trước chưa biết tu, họ mê ngũ dục, nhưng bây giờ họ biết tu rồi, họ thấy ngũ dục như thật. Nó tập như thế nào, nó diệt như thế nào, nó vị như thế nào, nó hoạn như thế nào, nó xuất yếu như thế nào, họ xa lìa ngũ dục. Khi họ xa lìa được rồi, họ thấy ai mê đắm ngũ dục họ cho là thấp hèn, không ưa thích. Vậy ý ông nghĩ sao? Ông có gì chống lại không? Ông bảo không. Như vậy ông bằng lòng.

Ngũ dục, tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu là những từ chuyên môn. Phật tử nghe không hiểu, tôi nói nghĩa thông thường. Thí dụ có người hút thuốc hay uống rượu. Tại sao có hút thuốc? Là do mình tập. Chữ tập đây là nhóm, là hợp lại. Có điều thuốc, có lửa, có cái miệng mình ngậm điều thuốc hít khói vô lỗ mũi xông lên não, mình có cảm giác. Như vậy khi có điều thuốc, có lửa, có khói, có cái miệng hít vào nhóm hợp các thứ đó lại mới có cảm giác, phải không? Phật biết rằng những cái dục của thế gian không có gì tự có hết, mà do nhiều thứ duyên hợp lại mới có. Từ sự tập hợp lại có điều thuốc, mình hút chừng mười phút thì tàn. Nó tàn thì còn hay hết? Hết là diệt. Cái gì có hợp là có tan, có sanh là có diệt. Chúng ta biết rõ mạnh mỗi sanh là biết rõ mạnh mỗi diệt. Biết rõ hút thuốc đó không tự có mà do nhiều duyên và nhiều duyên nhóm hợp hết thì gọi là diệt. Như vậy chúng ta đã biết rõ cái tập, cái diệt rồi. Giờ đến cái vị. Vị là thú vị của hút thuốc. Những người ghiền thuốc, khi họ hít vào vài hơi khói, thấy con mắt của họ sáng lên, họ có cảm giác thú vị. Nhưng cái thú vị đó còn hoài hay một chút rồi hết. Nó chỉ khoảng chừng hai phút rồi qua mất. Biết rõ cái vị là như vậy. Nó vô thường không có thật. Hoạn là tai họa. Cảm giác thú vị của hút thuốc không bao lâu, nhưng khi ghiền rồi tai họa nó chừng bao nhiêu? Một ngày hút chừng 2 gói thuốc thì tốn bao nhiêu tiền? Thứ hai là sanh bệnh. Người ta nói hút thuốc sanh nhiều thứ bệnh nhất là bệnh phổi. Thứ ba là ở gần người không hút thuốc mà mình cứ hít rồi phả ra người ta

ghét. Vậy tự mình tổn hao là tai họa thứ nhất. Mình mắc bệnh là tai họa thứ hai. Ghiền bỏ không được là tai họa thứ ba. Làm cho người ta khó chịu là tai họa thứ tư. Vậy cảm giác thích thú thì ít mà tai họa của nó thì nhiều, nên chúng ta phải xuất yếu. Xuất yếu là giải thoát ra khỏi nó. Hút thuốc lâu ngày thành thói quen, người ta gọi là bệnh ghiền thuốc. Bây giờ muốn hết ghiền, mình phải làm sao? Phải bỏ đừng hút nữa. Gan dạ chịu đựng cái ghiền hành hạ một lúc rồi thoát khỏi nó. Đó là xuất yếu, là thoát ra khỏi. Như vậy Phật biết rõ từng phần mỗi cái tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu.

Đó là nói về hút thuốc. Cũng nơi miệng mình, thí dụ như có những món ăn ngon. Muốn được ăn ngon thì phải bên ngoài có món ăn ngon, rồi kế đó là cái lưỡi. Món ăn ngon xúc chạm với lưỡi rồi có thức phân biệt đó là ngon. Món ăn ngon chỉ có một hai phút trong lúc mình còn nhai ở miệng ở lưỡi. Khi nuốt qua khỏi cổ, nó mất tiêu, vị ngon đó hết. Đó là biết cái tập, cái diệt của nó. Khi món ăn ngon nếm ở lưỡi, mình có cảm giác thú vị, thích thú. Sự thú vị ấy có bền lâu không? Sự thích thú đó chỉ có chút xíu rồi mất cho nên là vô thường. Chúng ta biết rõ sự thú vị của nó, chúng ta cũng phải biết cái tai họa của nó nữa. Người thích ăn ngon, ăn những thức ăn chiên xào nhiều cũng sanh bệnh gan... Thêm nữa, ăn ngon phải tốn tiền nhiều, chịu cực khổ, vậy cũng là hoạn. Chúng ta muốn không bị món ăn ngon chi phối thì bớt đừng thích nữa, dần dần không nhiễm thì chúng ta được giải thoát.

Bây giờ tôi thí dụ dễ hiểu như việc ăn chay. Người đã quen ăn mặn mà bảo họ ăn chay thì ngày ăn chay đó là ngày hành phạt, khổ sở lắm. Nhiều khi họ chờ đến tối tìm món gì đó để bù lại cái thiếu thốn trong ngày nay. Như vậy, họ cho ngày ăn chay là khổ. Nhưng ngược lại, quý thầy quý cô ở chùa ăn nước tương rau luộc quen rồi, thấy việc ăn chay có khổ không? Giả sử có người đem đồ mặn thật ngon lại mời. Nếu quý vị mới ăn chay thì khả dĩ thấy ngon, chứ người ăn chay lâu nghe mùi thức ăn mặn là ụa mửa vì tanh. Vậy món ăn ngon đó có thực không? Nếu nó thực ngon thì ai ăn cũng phải ngon. Lúc chúng ta ăn mặn thì ăn thấy ngon, đến chừng chúng ta ăn chay được 10 hoặc 20 năm, cũng thức ăn đó chúng ta thấy sợ, ăn không được nữa. Do đó chúng ta nhiễm là vì tự mình tập, nếu chúng ta muốn thoát ly cũng không khó.

Thế gian người ta làm sao ăn cho ngon, mặc cho đẹp, ở cho sướng v.v... Nhưng ăn ngon, mặc đẹp, ở sướng rốt cuộc có chết không? Rồi cũng chết như mọi người vậy thôi. Người thế gian bị năm cảm giác của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân lôi cuốn, ưa thích, ham muốn mà Phật gọi là ngũ dục. Vậy trong năm cái đó quý vị có dính cái nào? Bởi có nên mới cực khổ. Ví như ngày nào chúng ta cũng ăn ba món xào chiên thực ngon. Hôm nào thiếu nó, chỉ dọn lên bàn chén muối ớt, muối tiêu, hôm đó có khổ không? Ngày đó là ngày thật khổ sở, không muốn ăn, rồi rầy rà người này, giận người kia... Như vậy chúng ta quen theo dục lạc, khi thiếu nó chúng ta thấy khổ. Những người không theo dục lạc, họ có thấy khổ không?

Đạo lý nhà Phật dạy rất rõ. Người chưa biết đạo thì nhiễm mê ngũ dục, còn người biết đạo rồi thì tìm cách xa lìa. Chúng ta ăn để sống, mặc để ấm, chứ không phải ăn để ngon, mặc để đẹp. Hiểu rõ như vậy, người tu cũng ăn cũng mặc mà họ không khổ. Còn người thế gian vì không hiểu nên đắm trước những món ngon, mà

thiếu món ngon họ cảm thấy khổ sở. Khi mặc thì họ thích những đồ đẹp, nếu thấy đồ xấu là họ cảm thấy khổ. Vì vậy Phật bảo "thấy người đắm nhiễm ngũ dục cho đó là thấp hèn nên không thích".

Phật nói tiếp:

- Khi chưa xuất gia tôi hưởng ngũ dục, tôi đắm nhiễm. Sau khi thức tỉnh, đi xuất gia rồi, tôi xa lìa ngũ dục vì biết như thật: Tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu của nó. Tôi thấy người đắm mê ngũ dục cho là thấp hèn, không khen, không thích. Ông có gì nói với tôi điều này không?

Tu Nhân Đề nói: - Không vậy!

Đến chặng thứ tư, Phật đưa thí dụ có cha con người cư sĩ giàu có sang trọng biết tu Thập thiện tức là tu 10 điều lành. Tuy họ biết làm lành nhưng họ còn muốn đời sau hưởng phước, hưởng đầy đủ ngũ dục, nên sau khi chết họ sinh lên cõi Trời. Cha con người này chịu bỏ ngũ dục cõi Trời để trở lại hưởng ngũ dục cõi nhân gian chăng?

Tu Nhân Đề bảo: - Không vậy Cù Đàm.

Đức Phật hỏi: - Tại sao vậy?

Ông đáp:

- Ngũ dục cõi Trời là tối thượng là tối thắng. Nếu so với ngũ dục cõi người thì ngũ dục cõi người không có giá trị gì.

Đức Phật hướng ông từ từ. Cũng là ngũ dục mà ngũ dục cõi Trời cao hơn. Đức Phật cũng qua luôn ngũ dục cõi Trời, vì biết rõ như thật, ngũ dục: Tập, diệt, vị, hoạn, xuất yếu nên thấy người đắm mê ngũ dục, đức Phật cho là thấp hèn, không thích.

Bây giờ đức Phật đưa ra thí dụ rất hay:

- Ví như có người bị bệnh phong (nói theo ngôn ngữ phổ thông là bệnh cùi). Người bị bệnh phong thân thể bị vi trùng rút tủy nên lở loét ngứa ngáy. Họ lấy tay quào, lấy lửa hơ cho đỡ ngứa. Khi họ lấy tay quào, lấy lửa hơ họ có thể trừ được ngứa và hết được bệnh chăng?

Ông đáp: - Không vậy!

Phật hỏi: - Tại sao vậy?

Ông bảo:

- Vì càng quào, càng hơ thì vết lở càng tăng chớ không bao giờ hết.

Người bị bệnh phong càng lấy tay quào, lấy lửa hơ, vết lở càng tăng, trái lại họ cho đó là thích vui. Cái thích vui đó có phải là cái thích vui thật không? Hay là cái khổ của ngứa ngáy quá, buộc lòng phải quào, phải hơ cho đỡ ngứa, rồi sau đó lại sinh thêm lở loét nữa. Đức Phật đưa ra ví dụ này quá cụ thể. Người đắm mê ngũ dục cũng giống như thế.

Thí dụ như người thế gian, khi thèm thức ăn gì đó, họ muốn ăn một bữa cho đã thèm, để rồi từ đó về sau không thèm nữa. Nhưng trong lúc đó thì đã thèm, rồi mai một có hết thèm không? Hay lại cũng thèm như thường. Ăn cho đã không có nghĩa hết thèm. Thế gian nhất là phái nam có cái tật muốn ngã cho đủ bốn vách tường. Tường nào cũng muốn ngã, biết cho đủ hết, rồi sau đó mình dễ tu. Thật có dễ tu không? Hay càng biết nó càng thèm, càng lún sâu thêm. Cho nên đức Phật

nói: "Người muốn được thỏa mãn ngũ dục mà cứ tìm ngũ dục để thụ hưởng cho thỏa mãn thì chẳng khác nào người khát nước mà cứ uống nước muối". Quý vị thấy uống nước muối thì sao? Có hết khát nước hay lại càng khát thêm? Người thế gian cũng thế, họ không có gia đình, đến chừng tạo được gia đình, thì một vợ một chồng là hạnh phúc rồi. Nhưng họ lại sanh tật, có thêm bà thứ hai. Có bà thứ hai rồi cũng không chịu dừng, họ tiếp tục tạo thêm không biết bao giờ hết.

Như vậy chúng ta thấy, chỉ có người nào biết hạn chế, biết làm chủ mình, chừng đó mới hết. Đừng tưởng mình tìm hoài cho thỏa mãn rồi hết. Không có việc như thế. Thí dụ như có người lờ ghiền thuốc. Họ ghiền thuốc mà không có tiền mua thuốc, thấy có người hút thuốc thì nghĩ "thôi mình lại xin 1 điếu hút cho đã ghiền". Người ta cho mình hút thì đã ghiền lúc đó. Rồi một chút nữa ghiền lại không? Đến trưa, chiều lại ghiền nữa, chứ đâu phải đã ghiền lần đó rồi hết.

Như vậy chúng ta thấy rõ: "Nếu muốn thỏa mãn dục lạc, càng thỏa mãn thì nó càng tăng thêm chứ không bao giờ hết. Càng đuổi theo nó thì càng mê đắm, rồi chìm sâu trong đó".

Chúng ta chỉ có một cách là biết rõ tai họa của nó, sự tạm bợ của nó rồi mình làm chủ mình, thắng nó, bỏ nó, lìa nó dần dần rồi dứt.

Phật còn nói thêm: "Người bị bệnh phong lấy tay quào, lấy lửa hơ, vết lở càng tăng, mà họ cho đó là vui. Người đắm mê ngũ dục cũng lại như thế."

Người bị bệnh phong, thân thể lở loét, họ biết được bệnh của họ rồi, có người thương xót tìm thuốc hoặc chính họ tìm được thuốc trị lành bệnh. Khi hết bệnh, thân thể lành lặn rồi, họ không còn lấy tay quào, lấy lửa hơ, vì đâu còn ngứa nữa. Nếu có người khác kéo họ lại hơ lửa, lúc trước bị lở loét khi hơ lửa họ thích, bây giờ lành lặn hơ lửa họ có thích không? Hay là né tránh vì bị nóng quá chịu không nổi.

Dục lạc cũng như vậy. Người đang đắm mê dục lạc, họ cứ lao mình chìm sâu trong đó để thụ hưởng. Nhưng với người đã xa lìa dục lạc rồi, có ai dẫn họ đến, họ sợ, họ tránh vì biết đó là cảnh khổ. Cũng giống như tôi thí dụ, người quen ăn mặn có cá thịt nhiều chừng nào họ càng thích. Có người trước cũng ăn mặn nhưng đã bỏ để ăn chay. Họ đã ăn chay lâu chừng 10-20 năm, có người mời họ ăn cá thịt thì lúc đó họ có sợ không? Họ tránh, họ sợ, như vậy rất rõ ràng khi bỏ được dục lạc rồi mà kêu họ thụ hưởng trở lại họ sợ. Vì họ biết đó là tai họa, thật không tốt, chứ không thích thú gì hết.

Tôi dẫn thêm một thí dụ nữa. Có vài Phật tử nam ghiền rượu, chiều nào cũng rủ nhau ra quán nhậu. Khi nhậu anh em nói cười, cãi nhau to tiếng, đôi khi quá say chân đi xiêu bên này, xẹo bên kia, rồi kẻ này dìu kẻ kia dẫn. Trong số anh em đó bỗng có người thức tỉnh, biết ghiền rượu không tốt, có hại liền bỏ rượu. Người đó bỏ rượu một thời gian lâu. Tình cờ gặp lại các bạn cũ, lôi vào quán uống nữa. Người đó có sợ không? Họ sợ muốn chạy. Như vậy chúng ta thấy rõ, mình càng tập thì càng say, càng ghiền. Bỏ được rồi mình thấy nó liền sợ. Cũng vậy, người đắm mê dục lạc thế gian, họ cho đó là hạnh phúc, nhưng người thoát khỏi rồi nhìn những người còn đang mê đắm, thấy họ thật đáng thương.

Đức Phật cũng thế, Ngài thương chúng ta đang chìm đắm khổ sở trong cái không nghĩa lý gì, không quan trọng gì. Bây giờ quý vị thử kiểm lại, có phải cả thế gian này đang khổ vì nó không? Kể cả mình nữa. Mình có khổ vì ngũ dục không? Nếu không khổ cả năm cái thì ít nhất cũng bị khổ 2 hoặc 3 cái, phải vậy không? Nó làm cho mình mất tự do, nó làm cho mình phiền não, nó làm cho mình khổ sở biết bao!

Phật kết luận: "Không bệnh lợi bậc nhất. Niết bàn vui bậc nhất".

Ông Tu Nhân Đề nghe Phật nói: "Không bệnh lợi bậc nhất. Niết bàn vui bậc nhất" liền hỏi:

- Thưa Ngài Cù Đàm, Ngài nói câu ấy, các vị thầy của tôi cũng đã dạy. Như thế Ngài Cù Đàm nói đâu có khác gì.

Đức Phật đặt câu hỏi lại:

- Nếu các bậc thầy của ông đã dạy như vậy thì, thế nào là không bệnh, thế nào là Niết bàn?

Ông Tu Nhân Đề chỉ trên thân mình bảo:

- Thân này là không bệnh. Thân này là Niết bàn.

Đức Phật bảo:

- Thí dụ có một người mù nghe người mắt sáng bảo: Tôi có chiếc áo trắng đẹp, sạch sẽ. Người mù cầu xin chiếc áo ấy. Người kia có tâm xấu lấy áo dơ xấu đưa chú mù rồi bảo: Đây là áo trắng sạch, đẹp đẽ. Chú mù nghe tin thật, lấy áo mặc vào rồi nói: Tôi mặc áo trắng sạch, đẹp đẽ. Đức Phật hỏi Tu Nhân Đề:

- Người mù đó do họ thấy, do họ biết, hay do người ta nói rồi bắt chước nói theo.

Tu Nhân Đề trả lời Phật:

- Người mù đó họ không thấy, không rõ chiếc áo sạch hay dơ, chỉ nghe người ta nói chiếc áo trắng sạch đẹp đẽ, rồi tin mà không ngờ là áo dơ áo xấu.

Đức Phật quở:

- Tu Nhân Đề, ông cũng giống như người mù kia. Thân này là gốc của bệnh hoạn, thân này là ung nhọt, thân này là con rắn, thân này là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã mà ông cho thân này là không bệnh, là Niết bàn.

Đây tôi giải thích những chữ dùng đoạn này. Đức Phật nói thân này là bệnh. Có ai mang thân mà chẳng bệnh không? Chỉ có bệnh nhẹ hay bệnh nặng thôi. Chúng ta thấy mình đi đứng được chứ trong thân cũng có vài bộ phận nhỏ nhỏ hư xáo động nên đôi lúc rêm chỗ này, đau nhức chỗ kia. Thế mà chúng ta tất cả đều quên thân này là thân bệnh hoạn. Thân bệnh hoạn mà bảo là không bệnh sao được. Thân này là ung nhọt vì hôm nay nó xì chỗ này, mai lại nổi chỗ kia. Ung nhọt nổi lên hoài thì không yên ổn.

Thân này như con rắn. Lúc trước tôi có giảng chúng ta điều hòa thân này như điều hòa 4 con rắn (tứ đại). Chúng nó bất hòa với nhau mãi. Con rắn nước cắn lộn với con rắn hổ lửa. Con rắn hổ lửa mà thắng thì rắn nước thua, nên lửa bốc lên khiến nhức đầu. Con rắn hổ lửa yếu thua thì thân run rẩy lạnh buốt. Con rắn gió là rắn hổ mây cắn lộn với rắn hổ đất. Nếu rắn hổ mây thắng thì thân bị gió thổi đau mình nên phải cạo gió. Còn rắn hổ đất mạnh hơn thì như lỗ mũi mọc thêm 1, 2

nhánh ra không thở được phải đi bác sĩ mổ cắt bỏ đi. Như vậy trong bốn con rắn đó, con nào mạnh hay yếu cũng không ổn mà mình đang sống đây là đang điều hòa bốn con rắn đó. Ví dụ: Hôm nay trong mình nóng quá, mình nấu cháo đậu xanh ăn cho mát; còn lạnh quá kiêng gừng ăn cho ấm. Chúng ta luôn luôn tìm cách điều hòa cho chúng yên ổn, chứ có vui vẻ gì đâu? Có thích thú gì đâu? Không có giờ nào an ổn hết. Vậy mà cho thân là không bệnh, là Niết bàn, có phải nói bậy không?

Phật nói thân này là vô thường. Nó luôn luôn bị lửa vô thường đốt thiêu từ từ. Từ trẻ đến già, già rồi bệnh, bệnh rồi chết. Chúng ta ai có thân phải nhận thức rằng nó là khổ, dù cho là ông vua, ông tổng thống, ông thủ tướng có thân là bị khổ, vì bệnh, già, chết, không tha ai hết. Vậy mà ông Tu Nhân Đề cho thân là không bệnh, là Niết bàn phải ngu xuẩn không, sai lầm không. Nên đức Phật nói bài kệ:

"Không bệnh lợi bậc nhất
Niết bàn vui bậc nhất
Các đạo Bát Chánh Đạo
Đến an ổn cam lồ".

Cam lồ tức là mát mẻ. Không bệnh đây là mọi tâm tham lam, sân si, tật đố dứt hết, đó là lợi bậc nhất. Và sống với tâm không sanh diệt gọi là Niết bàn, là vui bậc nhất. Muốn được như thế con đường Bát Chánh Đạo sẽ đưa đến chỗ an ổn, mát mẻ đó.

Đến đây ông Tu Nhân Đề bị khuấy phục, ông quì gối chấp tay:

- Xin Ngài Cù Đàm dạy cho con rõ thế nào không bệnh, thế nào là Niết bàn?.

Đức Phật bảo:

- Con mắt thánh huệ của ông chưa sáng. Tôi vì ông nói không bệnh, nói Niết bàn chỉ nhọc nhằn vô ích thôi.

Phật thí dụ: Như có người mù từ thuở bé, nghe người ta nói đây là màu vàng, đây là màu xanh, đây là màu đỏ, đây là màu trắng, đây là màu đen. Khi nghe nói như vậy, người mù yêu cầu người sáng mắt giải thích cho họ hiểu thế nào là màu vàng, thế nào là màu xanh, thế nào là màu đỏ... Người kia dù cố giải thích mà người mù hiểu hay không? Hay chỉ tốn công vô ích thôi?

Phật đưa ra thí dụ quá hay. Nếu con mắt mình chưa sáng mà người kia giải thích rằng đây là màu trắng, màu vàng, màu xanh, thì càng giải thích càng rối ren thêm, mình làm sao hiểu được.

Đức Phật bảo tiếp:

- Tôi sẽ vì ông nói thuốc hay để trị bệnh, khiến cho con mắt thánh huệ của ông trong sạch. Tự ông biết đây là không bệnh, đây là Niết bàn.

Phật thí dụ: Có một đứa bé mù từ thuở nhỏ, có người thương xót dùng mọi cách trị liệu khiến con mắt được sáng. Khi con mắt sáng rồi, nó sẽ tự thấy đây là màu xanh, đây là màu vàng, đây là màu đỏ v.v... không cần giải thích.

Quý vị thấy quá rõ ràng rồi phải không? Niết bàn là khi mình hết mọi phiền não, bệnh là phiền não mà hết phiền não là tâm mình thanh tịnh thì Niết bàn hiển

lộ. Gọi đó là con mắt huệ mở sáng thì tự mình nhận rõ Niết bàn, chứ không cần giải thích. Bởi vì mình chưa biết mà nghe giải thích lại tưởng tượng thêm.

Thí dụ: Có những cảnh người ta đi đến rồi, người ta thấy tận mắt về thuật lại cho người ở nhà nghe. Người ở nhà nghe mà họ chưa từng thấy cảnh đó, họ tưởng tượng có đúng không?

Vì vậy "không bệnh", "Niết bàn" Phật không giải thích mà Phật dạy phương pháp tu. Tu để hết bệnh, mà hết bệnh là Niết bàn. Chừng đó rồi mình thấy chứ đừng nói Niết bàn là không có. Nói không có là dốt, vì sự thật đức Phật đã thấy, đã đến nhưng nó không giống như những cái phàm tục mình hiểu.

Thí dụ: như nói đến vui, thì nghĩ vui là uống rượu vui. Vui đi nghe nhạc vui. Nói vui là mình cứ tưởng vui như những việc đó, chứ không hiểu cái vui của Niết bàn là do hết sinh tử, do khỏi cơn vô thường. Cho nên cái đó không thể diễn tả, không thể nói cho người phàm phu hiểu được. Vì vậy đức Phật không giải thích cái vui đó, mà quan trọng là Ngài chỉ phương tiện để người đó đạt được. Ví như người bệnh mắt, họ muốn biết màu xanh, vàng, trắng, đen v.v... mà mình giải thích hoài. Giải thích bằng cách này, giải thích bằng cách kia, giải thích đến chừng nào họ mới hiểu. Nếu mình thương họ muốn cho họ thấy được các màu thì hoặc là mình tìm thầy, tìm thuốc trị cho con mắt họ sáng. Khi mắt họ sáng rồi thì tự họ biết đây là màu vàng, màu trắng, màu đỏ mình không cần phải giải thích. Đó là một sự thật chúng ta thấy đức Phật dạy rất cụ thể, thực tế vô cùng. Phật không nói lý thuyết suông. Và người ta nghe Phật không giải thích nên xuyên tạc rằng: Phật nói Niết bàn mà Phật không giải thích là cái đó không có, chỉ là giả tưởng thôi. Nếu là sự tưởng tượng thì đức Phật dạy phương pháp đến làm chi.

Đức Phật giải thích thêm đây là phương pháp đưa đến Niết bàn, đến chỗ không bệnh. Có bốn pháp để con mắt thánh huệ chưa sạch được sạch. Bốn pháp ấy là gì?

1. Gân gũi thiện tri thức.
2. Được nghe pháp lành.
3. Khéo suy nghĩ.
4. Hướng pháp thứ pháp.

Đây tôi sẽ giảng bốn pháp này rõ ràng cho quý vị thấy.

Phật nói phương pháp trị bệnh cho chúng ta hết bệnh. Đó là phương pháp gì?

(1) Đầu tiên là gần gũi bậc Thiện Tri Thức, tức là thầy lành bạn tốt giúp chúng ta biết tránh những cái lầm, biết bỏ được những cái mê. Đó là bước đầu tiên trên con đường tu hành của chúng ta.

(2) Thứ hai là được nghe pháp lành. Pháp lành tức là nghe chánh pháp. Nếu mình tu theo đạo Phật mà không biết Phật dạy cái gì. Không biết được chánh pháp, làm sao mình diệt được phiền não, không diệt được phiền não làm sao mình hết bệnh. Từ trước đến đây tôi giảng đó có phải là pháp lành không? Người thế gian gặp nhau vỗ vai rủ nhau đi uống rượu, hoặc chiều chiều rủ nhau đi coi hát. Quý thầy giải thích cho hiểu cái hại của ngũ dục như thế nào, cái lợi khi bỏ ngũ dục ra sao. Ngũ dục mà mình bị dẫn, bị rủ thì lại càng thêm bệnh, càng thêm khổ. Còn pháp lành giúp mình biết dừng lại những cái xấu, những cái khổ đau.

(3) Nhưng nhà Phật không bắt mình nghe pháp rồi tin liền, nên đến cái thứ ba là phải khéo suy nghĩ tức là chánh tư duy. Mình nghe rồi nghĩ cho kỹ càng xem lời Phật dạy đó, lời bậc Thiện Tri Thức đó đúng lẽ thật không? Suy nghĩ cho chín chắn, cho đúng đắn rồi sẽ ứng dụng, chứ không phải nghe đâu tin đó. Thí dụ quý vị nghe một vị nào bảo rằng: Tôi có pháp hay lắm người nào lại, tôi truyền tâm ấn sẽ thấy Phật này, Phật kia. Nếu chúng ta nghe rồi tin liền, là không được. Chúng ta phải vận dụng trí tuệ của mình suy nghĩ, lối tu như thế và pháp đó đúng hay sai. Cho nên Phật bảo phải khéo suy nghĩ, nhận định pháp đúng có lợi ích thiết thực không. Ví dụ như tôi nói ngũ dục là có hại, quý vị thấy có đúng là có hại hay không? Nếu người nào giảm bớt hoặc xa lìa được ngũ dục thì có lợi, quý vị thấy có phải là có lợi hay không?

(4) Mình suy nghĩ đúng thì phải hành. Cho nên cái thứ tư là hướng pháp. Tức là nhằm thẳng vào pháp lành đó mình thực hành. Thực hành rồi mình sẽ tiến bộ từ thấp lên cao gọi là thứ pháp.

Chúng ta nghe bốn điều kiện đó quá đơn giản. Thứ nhất là gần bậc Thiện hữu tri thức. Nên chúng tôi mới khuyên quý vị ngày rằm, ngày 30 đi chùa để gặp thầy lành bạn tốt nhắc nhở mình. Và nghe giảng được pháp lành rồi phải khéo suy nghĩ nhận định đúng hay sai. Chúng ta cũng nghe nhiều người giảng nói, mà đôi khi chưa phải là pháp lành thật. Nếu chúng ta thiếu nhận định suy nghĩ, thì có khi mình bị lầm lẫn lạc đường. Phật đòi hỏi mình phải khéo suy nghĩ, sau khi suy nghĩ rồi phải hành. Nếu không hành tức là học suông. Suy nghĩ rồi phải nhằm thẳng vào chỗ nhận định đúng, ứng dụng tu hành. Thí dụ chúng ta nghe nói đắm mê ngũ dục là tai hại, chúng ta xét mình dính vào cái dục nào thì gỡ dần dần. Đó là mình tu. Nghe nói uống rượu là hại, mình biết uống rượu là hại thì bớt, nếu chưa bỏ được thì thay vì lúc trước mỗi ngày uống hai xị, bây giờ lần lần uống một xị rượu, rồi lần lần bớt một xị, rồi nữa xị thôi, phải không? Nghĩa là giảm lần lần. Mỗi lần giảm như vậy, thứ nhất là đỡ tốn tiền, thứ hai là bớt say, thứ ba là bớt bệnh. Đó là pháp lành và mình biết ứng dụng là có hiệu quả ngay trong cuộc sống hiện tại. Càng ngày càng tiến lần, nên gọi là hướng pháp, rồi đến thứ pháp. Khi mình tiến lên mới thấu suốt được pháp Tứ Đế biết đúng như thật.

Một là biết thân này là khổ. Quý vị chịu thân này khổ không? Khổ hay vui? Nếu thân này là vui thì chúng ta khỏi tu. Thời pháp đầu tiên Phật nói Khổ Đế, người thế gian cho rằng Phật bi quan. Chúng ta tu để làm gì? Là để diệt khổ. Nếu cho rằng thân này là vui thì chúng ta tu làm chi? Nên trước hết chúng ta phải thấy thân này là khổ. Tại sao nó khổ? Vì nó là vô thường, là ung nhọt, là bốn con rắn, là vô ngã, không có chủ... Biết thân này là khổ rồi chúng ta tự hỏi: Tại sao nó khổ? Đó là tìm nguyên nhân của nó. Phật nói nguyên nhân của nó đơn giản lắm "là ái". Từ "ái" cho nên có "thủ", có "hữu" tức là đời sau. Sở dĩ mình khổ là từ ái mà ra chứ không có gì khác. Bây giờ tôi nói chuyện gần là chuyện chúng ta thích đi nghe nhạc, nhất là mấy chú 17, 18 tuổi. Hôm nào xin tiền ba má để đi nghe nhạc, ba má không cho. Mấy chú đó khổ không? Tự nhiên là khổ rồi, vì mình thích việc đó mà ba má không cho thì khổ.

Ví như những thanh niên nam nữ mười tám hai mươi tuổi, họ thương yêu nhau mà bậc cha mẹ thấy không hợp lý, không xứng đáng nên ngăn trở. Vậy họ có khổ không? Họ khổ.

Đó chỉ mới nói cái yêu thích bên ngoài thôi. Còn cái yêu thích chính mình mới là trầm trọng hơn. Quý vị có yêu mình không? Yêu! Bởi yêu mình quá nên cái gì ngon cũng muốn được cho mình, cái gì đẹp cũng muốn cho mình, cái gì khen cũng muốn được cho mình. Cái gì thiên hạ yêu cũng muốn được cho mình và mình đòi hỏi tất cả cái gì cũng hơn người ta. Mình muốn hơn người ta mà không được hơn thì khổ không? Như vậy cái gì mình muốn mà không được là khổ. Muốn tức là thích mà thân này là cái mình yêu thích nhất. Nhiều khi thân này đen thui đen thui mà cũng yêu nó như thường. Thân này bệnh hoạn hoạn mà cũng yêu nó như thường. Vì chúng ta quá yêu thân, nên yêu tất cả nhu cầu của thân, do đó mà khổ. Cũng vì yêu thân nên ái. Ái là phải bảo vệ nó. Bảo vệ nó gọi là thủ, cho nên vừa mất nó là mình tìm thân khác liền. Tìm tiếp tục không dừng nên sinh tử không dừng, do từ ái mà ra. Ái rồi thủ, thủ rồi sinh tử đau khổ. Cho nên Phật dạy thẳng chúng ta phải thấy thân này là khổ, khổ nên bớt yêu nó. Thân này là vô ngã, không chủ, không có mình thật để bớt những cái chấp về nó. Bớt chấp yêu nó mới có thể xả bớt những tham cầu về nó, thì tự nhiên bớt khổ và nhờ không yêu nó, nên nó có hoại mình cũng không sợ, không lo, không buồn và không bảo thủ. Mà không bảo thủ đâu có tìm đến cái thân thứ hai nữa mà phải "hữu". Như vậy dứt được ái thì Niết bàn. Thật là đơn giản!

Ông Tu Nhân Đề nghe Phật giảng đến đây ông ngộ được pháp. Ngộ được pháp, ông xin Phật được xuất gia. Sau khi xuất gia ông ứng dụng tu một thời gian, chứng quả A La Hán.

Như vậy chúng ta thấy đây là cuộc đối thoại lý thú vô cùng. Tu Nhân Đề từ một người chống đối Phật kịch liệt, lỡ thấy chỗ nằm của Phật ông cũng hối hận "chỗ không muốn thấy, không muốn nghe mà bây giờ lỡ phải thấy, phải nghe". Ông dám nói Phật là kẻ bại hoại, bại hoại không thể dùng. Nhưng qua một cuộc lý luận, Phật giải thích và đến đây ông thức tỉnh, thức tỉnh liền xin xuất gia. Xuất gia xong, ông y theo lời Phật dạy, tu chứng được quả A La Hán. Đơn giản như vậy.

Qua bài kinh này, quý vị thấy có thể làm môn đệ ông được không? Ông là A La Hán, chúng ta là Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm được không?

Tôi dẫn bài kinh này để giải thích rõ một cuộc đối thoại giữa Phật và một người thù nghịch, mà Ngài chinh phục trở về chánh pháp, ngộ được đạo rồi phát tâm tu hành đắc đạo. Thật là một điều hi hữu.

